

KINH TẾ VIỆT NAM: NHỮNG KHỞI SẮC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG NĂM 2012- TRIỂN VỌNG NĂM 2013

GS.TS Chu Văn Cấp

Nguyên Viện trưởng Viện KTCT- Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

1. Dẫn nhập

Bước vào năm 2012, nền kinh tế thế giới sau cơn đại khủng hoảng đang trên đà phục hồi, song vẫn thiếu ổn định do một số nền kinh tế đang gặp rủi ro và có xu hướng suy thoái, nguy cơ xảy ra cuộc khủng hoảng mới vẫn còn rình rập, chưa ai dám khẳng định khi nào kinh tế thế giới mới hồi phục hoàn toàn và lấy lại đà tăng trưởng như đã có trong hai thập kỷ qua. UNCTAD dự báo kinh tế thế giới chỉ tăng ở mức 2,3% trong năm 2012. Kinh tế Mỹ - nền kinh tế lớn nhất toàn cầu, sau cơn khủng hoảng tài chính vẫn không lấy lại được đà tăng trưởng. Ngân hàng Citigroup, đầu năm 2012 dự báo kinh tế Mỹ tăng trưởng 2,2%, thực tế hiện nay chỉ tăng ở mức 1,8%. Châu Âu, tăng trưởng kinh tế yếu ớt và đang thu hẹp các hoạt động kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp 11,6% - mức cao nhất kể từ khi đồng EURO được đưa vào sử dụng năm 1999. Các “siêu sao” của nền kinh tế thị trường mới nổi, như Trung Quốc, theo Báo cáo của Chính phủ, trong quý I/2012, GDP chỉ tăng 8,1% so với cùng kỳ năm 2011. Năm 2011, GDP tăng 9,2%, năm 2010 là 10,4%. Như vậy đã 2 năm liên tục mức tăng GDP của Trung Quốc đã giảm xuống rõ rệt. Chính vì thế, tháng 3/2012 Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã phải điều chỉnh chỉ tiêu tăng GDP năm 2012 xuống còn 7,5%¹; (ii) Citi Group dự báo kinh tế Brazil năm 2012 chỉ tăng 1,8%; Kinh tế Ấn Độ tăng trưởng chậm lại, năm 2012 chỉ tăng 5,4%, thấp hơn 9 năm qua.

Ngoài ra còn phải kể đến, thị trường thế giới khó khăn, thương mại giảm sút mạnh, giá dầu thô, lương thực, vàng, nguyên liệu... diễn biến phức tạp, khó lường, tác động tiêu cực đến nền kinh tế đã hội nhập sâu rộng và độ mở lớn như nền kinh tế nước ta. Rõ ràng là các nước phát triển tăng trưởng kinh tế yếu ớt, chắc chắn các nước đang phát triển cũng không thể tìm lại được tốc độ tăng trưởng vượt bậc trước

đó. Trong xu thế toàn cầu và hội nhập các nền kinh tế trên thế giới được gắn với nhau rất chặt chẽ, do đó, khi một khu vực nào đó bị yếu đi thì các khu vực khác cũng yếu theo. Có thể nói rằng sự ảm đạm và xu hướng suy thoái của nền kinh tế thế giới “không buông tha” đối với kinh tế Việt Nam.

Ở trong nước, năm 2011, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức nhưng nền kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả trong việc kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội. Tuy vậy, bước vào năm 2012, kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro, thị trường trong nước thu hẹp, sức mua giảm mạnh, hàng tồn kho lớn, lãi suất còn cao, số doanh nghiệp bị giải thể, đình đốn sản xuất tăng cao (đặc biệt là khối doanh nghiệp liên quan đến xây dựng, bất động sản), nhiều lao động mất việc làm. Bên cạnh đó rét đậm, rét hại kéo dài ở miền Bắc, miền Trung đã tác động bất lợi đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân.

Tình hình kinh tế thế giới và tình hình trong nước như nêu ở trên có tác động nhỏ đến kinh tế Việt Nam năm 2012- Năm có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011-2015).

2. Những khởi sắc nhất định và những khó khăn hiện hữu của nền kinh tế Việt Nam năm 2012

2.1. Những khởi sắc nhất định

Nhìn nhận một cách khách quan thực trạng nền kinh tế Việt Nam năm 2012 bắt đầu có những khởi sắc nhất định. Thể hiện:

(1) Tăng trưởng GDP quý sau cao hơn quý trước

Trong bối cảnh kinh tế thế giới không mấy thuận lợi và nguồn lực hạn hẹp của Việt Nam như hiện nay, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đã có những

khởi sắc: *GDP quý sau tăng cao hơn quý trước*. Tốc độ tăng GDP của quý I là 4,0%, quý II là 4,66% và quý III năm 2012 là 5,35%. Tính chung tổng sản phẩm trong nước (GDP) 9 tháng đầu năm 2012 tăng 4,73% so với cùng kỳ năm 2011, thấp hơn mức 5,77% của 9 tháng năm 2011. Trong mức tăng trưởng chung của nền kinh tế 10 tháng đầu 2012, giá trị sản xuất ngành nông-lâm-thủy sản tăng 3,7%, cả năm 2012 ước đạt 3,9%; chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước; tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 17,1% so với cùng kỳ năm 2011, nếu loại trừ yếu tố giá thì tăng 6,8%². Nhiều chuyên gia kinh tế trong nước và nước ngoài dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2012 là 5,0%. Đây là sự tăng trưởng hợp lý trong điều kiện cả nước tập trung thực hiện mục tiêu: ưu tiên kiềm chế lạm phát, theo đuổi mục tiêu lạm phát dưới một con số và ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy vậy, Việt Nam không đạt được mục tiêu đề ra (GDP năm 2012 tăng từ 6,0%-6,5%).

(2) Xuất khẩu 10 tháng năm 2012 - điểm sáng của nền kinh tế

Trong khi nền kinh tế đang gặp nhiều khó khăn, 10 tháng năm 2012 tình hình xuất khẩu của Việt Nam có nhiều dấu hiệu đáng mừng, thể hiện:

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 93,45 tỷ USD, tăng 18,4% so cùng kỳ năm 2011, bao gồm: khu vực kinh tế trong nước đạt 34,9 tỷ USD, tăng 0,8%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt: 58,6 tỷ USD tăng 32,2% (kim ngạch xuất khẩu cao hơn nhiều so với cùng kỳ trong các năm 2010 trở về trước: năm 2010 đạt 72,1 tỷ USD, năm 2011: gần 57,1 tỷ USD, năm 2008 là 62,7 tỷ USD);

- Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt được ở nhiều nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu: 22 nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên. Trong đó, dệt may: 12,53 tỷ USD, điện thoại và các linh kiện: 10 tỷ USD, dầu thô: 7 tỷ USD, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: 6 tỷ USD;

- Trong 10 tháng 2012, có 27 nước và vùng lãnh thổ là các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam (với kim ngạch đạt 500 triệu USD trở lên), trong đó có 21 nước và vùng lãnh thổ đạt từ 1 tỷ USD trở lên, cao nhất là Mỹ, 13 tỷ USD³;

- Dự báo kim ngạch xuất khẩu năm 2012 đạt 112 tỷ USD và có thể đây là năm đầu tiên trong 20 năm lại đây Việt Nam có xuất siêu⁴.

Cần lưu ý rằng: xuất khẩu của Việt Nam đang theo xu hướng ngược với thế giới: mạnh về các thị trường ở xa, trong khi đó phải đứng ngoài thị trường

gần như ASEAN, Trung Quốc. Biểu hiện cụ thể là xuất khẩu vào thị trường xa như Mỹ, EU là phát triển mạnh mẽ, kim ngạch xuất khẩu tăng liên tục và đây là 2 thị trường mà Việt Nam xuất siêu, như vào Mỹ trong 10 tháng đầu năm 2012 là 10 tỷ USD, Đức là 1,1 tỷ USD, Anh: 1,5 tỷ USD... Đối với thị trường gần như ASEAN, Trung Quốc, Việt Nam chịu cạnh tranh nhập siêu liên tục trong nhiều năm. Trong 10 tháng qua Việt Nam nhập siêu của Trung Quốc là 10 tỷ USD, tăng 52% so cùng kỳ năm 2011, Singapore là 3 tỷ, Thái Lan 2,1 tỷ, Malaysia: 700 triệu USD, Hàn Quốc: 6,47 tỷ ...⁵. Nguyên nhân có nhiều, song chủ yếu là hàng xuất khẩu của Việt Nam khó cạnh tranh với hàng hóa cùng loại của ASEAN, Trung Quốc. Nhập siêu nhiều từ Trung Quốc, điều này cho thấy mục tiêu giảm dần nhập nguyên liệu, hàng hóa, máy móc thiết bị để các doanh nghiệp có thể tiếp cận thiết bị máy móc có xuất xứ từ châu Mỹ, châu Âu vẫn chưa đạt.

(3) Những “tín hiệu” lạc quan về “sự ổn định kinh tế vĩ mô” tạm thời

Năm 2012 đang chứng kiến xuất hiện những “tín hiệu” lạc quan về “sự ổn định kinh tế vĩ mô” tạm thời. Thể hiện:

Lạm phát giảm mạnh và ở mức thấp, có thể đạt mục tiêu đề ra

Chúng ta đều biết chỉ số CPI tăng thấp từ tháng 10 năm 2011 và mang dấu âm 0,26% vào tháng 6/2012 và âm 0,29% vào tháng 7/2012, tháng 8/2012 tăng 0,63%. Tính chung từ đầu năm đến tháng 9/2012 lạm phát cả nước đã tăng 5,13%. Tuy vậy, thực tế cho thấy tình hình lạm phát vẫn còn đáng lo ngại, đó là lạm phát diễn biến phức tạp: tháng 9/2012, CPI đã tăng 2,2% so với tháng 8 và 6,48% so cùng kỳ năm 2011. Nguyên nhân là do áp dụng giá viện phí mới, tác động của mùa khai trường cộng với giá xăng dầu tăng “nhảy múa” liên tục. Tháng 10/2012, CPI tăng 0,85% so với tháng trước, thấp hơn so với mức tăng 2,2% của tháng 9. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 10 tháng năm 2012 tăng 9,66% so với bình quân cùng kỳ năm 2011.

Trong những tháng cuối năm 2012, do quy luật tiêu dùng nóng, cộng với nhiều yếu tố biến động khác... lạm phát chắc chắn sẽ tăng nhưng ở một con số 8%, như Báo cáo của Chính phủ, ngày 22/10/2012, còn như Ngân hàng thế giới dự báo là 9%: Nếu như vậy thì đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra là dưới 10%.

(4) Xuất siêu - bước chuyển quan trọng

Trong nhiều năm qua, hoạt động ngoại thương

Việt Nam luôn ở vị thế nhập siêu. Suốt 27 năm (kể từ 1985 đến năm 2011), chỉ duy nhất năm 1992, Việt Nam xuất siêu với mức 40 triệu USD, còn năm nào cũng nhập siêu. Có tới 4 năm (2007-2010), mức nhập siêu đến hàng chục tỷ USD (ví như, năm 2007 là 12,4 tỷ USD, năm 2008 là 17,5 tỷ USD, năm 2009 là 12,2 tỷ USD, năm 2010 là 12,4 tỷ USD)⁶.

Đến tháng 9 năm 2012, lần đầu tiên trong 20 năm nay, Việt Nam có bước chuyển quan trọng từ nhập siêu lớn, liên tục sang xuất siêu. Trong 9 tháng đầu năm 2012, xuất siêu ước tính 34 triệu USD, tuy không lớn, nhưng đây là bước chuyển quan trọng (mặc dù tháng 10/2012 nhập siêu 500 triệu USD). Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, mục tiêu xuất siêu được đặt ra vào cuối thập niên này, nhưng đã được thực hiện ngay trong năm thứ 2. Trong 10 tháng 2012, ngành nông nghiệp xuất siêu ước khoảng 8,74 tỷ USD (giá trị xuất khẩu nông-lâm-thủy sản ước đạt 22,5 tỷ USD, tăng 9,5%, trong khi đó nhập khẩu đầu vào ước 13,76 tỷ USD, tăng 11,7% so cùng kỳ năm 2011). Nguyên nhân của kết quả “xuất siêu” là do xuất khẩu đạt được sự vượt trội, xuất siêu hàng hóa chủ yếu tập trung ở khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và do nhập khẩu giảm sút, mà nguyên nhân là do nhu cầu nhập khẩu cho sản xuất giảm, do áp dụng các biện pháp quản lý đối với các mặt hàng không khuyến khích hoặc hạn chế nhập khẩu. Xuất siêu chủ yếu là giảm nhập khẩu chứ không phải do năng lực cạnh tranh và năng suất lao động của nền kinh tế được cải thiện. Cần lưu ý rằng, nhập khẩu tăng thấp có phần quan trọng là nhu cầu nhập khẩu cho sản xuất và tiêu dùng bị co lại, đồng nghĩa với suy giảm kinh tế, sản xuất đình đốn và tăng trưởng không mấy lạc quan.

Việc nhập khẩu không tăng, một mặt có tác dụng giảm thâm hụt cán cân thương mại, nhưng mặt khác, cho thấy sản xuất và xuất khẩu sẽ bị thu hẹp, do “đầu vào” là nguyên liệu nhập khẩu giảm, điều đó “báo hiệu” khả năng sắp vào chu kỳ xuất khẩu sẽ giảm.

Tuy vậy, xuất siêu đã góp phần cải thiện cán cân thanh toán quốc tế (thặng dư trên 8 tỷ USD); tăng dự trữ ngoại hối và ổn định tỷ giá VND/USD. Theo Báo cáo của Chính phủ ngày 22-10-2012, dự trữ ngoại hối tăng đạt trên 11 tuần nhập khẩu. Báo cáo của ADB dự trữ ngoại tệ của Việt Nam sau 9 tháng tăng 20 tỷ USD, gấp 2,5 lần so với mức 9 tỷ USD năm 2011. Trước đó, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đạt 23,9 tỷ USD (năm 2008) và giảm liên tục cho đến năm 2011⁷.

Những “điểm sáng” nêu trên chỉ là tạm thời vì

nguyên nhân của chúng bắt nguồn từ sự suy giảm bất thường của tổng cầu, mà nguyên nhân là sự thu hẹp hoạt động của hệ thống doanh nghiệp, môi trường kinh doanh còn chứa nhiều bất trắc, rủi ro và lãi suất cho vay cao.

Như vậy, những dấu hiệu “ổn định vĩ mô” tạm thời chỉ là sự biểu hiện của những nguy cơ “bất ổn kinh tế” tiềm tàng, gồm” tăng trưởng kinh tế thấp, tín dụng tăng trưởng thấp, doanh nghiệp thu hẹp sản xuất hoặc giải thể, phá sản, tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại cao, nguồn thu ngân sách giảm gây sức ép tăng thâm hụt ngân sách ...

(5) Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Tín hiệu vui cho sự phục hồi niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài

Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm tính đến tháng 10-2012 là 10,49 tỷ USD, trong đó, đăng ký mới là 6,68 tỷ USD, giảm 36,7% so cùng kỳ năm 2011; đăng ký bổ sung: 3,8 tỷ USD, tăng 12,3%, do đó đã giúp kiềm chế sự giảm tốc độ tăng của tổng vốn đăng ký 10 tháng năm 2012 so với cùng kỳ năm 2011 (chỉ giảm 24,7%).

Lượng vốn đăng ký giảm sâu, vốn thực hiện giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2011 (giảm 1,1%). Đây là tín hiệu vui đề năm 2012 có thể đạt 11 tỷ USD; tương đương với 4 năm trước. Đây là kết quả tích cực góp phần làm cho cán cân tài chính có số dư và góp phần cải thiện cán cân thanh toán tổng hợp, làm tăng dự trữ ngoại hối và ổn định tỷ giá.

Với lượng vốn đăng ký 10 tháng qua đã đưa tổng FDI từ 1988 đến nay đạt 240,4 tỷ USD, vốn thực hiện 98 tỷ USD.

Điều đáng quan tâm là trong tháng 8 năm 2012, FDI đăng ký là 449 triệu USD, trong tháng 9 năm 2012, vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm đạt 1,04 tỷ USD. Điều này chứng tỏ sự phục hồi niềm tin kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài.

Có được sự khởi sắc này phải kể đến sự đóng góp đáng kể nguồn FDI đến từ Nhật Bản. Trong số 47 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư cấp phép mới vào Việt Nam 10 tháng qua, Nhật Bản tiếp tục là nhà đầu tư lớn nhất với 225 dự án, vốn là 3875,5 triệu USD, chiếm 58% tổng vốn đăng ký cấp mới, nâng tổng FDI của Nhật Bản từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2012 lên khoảng 4,7 tỷ USD, chiếm gần 50% tổng FDI vào Việt Nam trong 10 tháng 2012⁸.

2.2. Những khó khăn, yếu kém còn hiện hữu

Những vấn đề Việt Nam đang gặp phải đều mang

tính “xâu chuỗi” kéo dài, có quan hệ với nhau. Năm 2012, có thể chỉ là thời điểm bùng phát làm xuất hiện những “vết rạn nứt” của nền kinh tế sau một thời kỳ tích tụ những khó khăn, yếu kém và sai lầm.

Một là, “*Khối u*” nợ xấu cao trong hệ thống ngân hàng thương mại đang đe dọa đến an ninh tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng kinh tế bền vững.

Sự dễ dãi của các ngân hàng thương mại vô tình đưa nhiều doanh nghiệp vốn có “lòng tham” đầu tư nóng vào thị trường nhà đất đổ rơi vào tình trạng “ôm đất”, “ôm dự án”, “ôm nhà căn hộ”. Mặt khác, các ngân hàng thương mại cũng “khó thoát” khi tiền cho vay “dưới chuẩn” đi không về lại, khi thị trường bất động sản đóng băng, hàng tồn kho lớn, giá cả giảm sút, các doanh nghiệp bất động sản và liên quan mất khả năng thanh toán.

Thị trường chứng khoán bước vào năm 2012 với một tông màu “nhật” và “âm đạm”, khi chỉ số VN-Index và HNX-Index vẫn mãi “rè ra” dưới đáy. Mãi đến tháng 5-2012, thị trường chứng khoán có chút khởi sắc khi VN-Index và HNX-Index tăng đạt đỉnh, nhưng chưa đầy 2 tháng sau đó lại giảm đi 50% giá trị tăng tính từ đầu năm 2012. Diễn biến của thị trường trong tháng 10 rất phức tạp, mặc dầu đã có kỳ vọng về một đợt phục hồi ngắn, nhưng nhìn về trung hạn, đà giảm của thị trường chứng khoán chưa có dấu hiệu dừng lại.

Rõ ràng là khi một bộ phận lớn vốn tín dụng bị hút vào các lĩnh vực “đầu cơ”, khi “bong bóng bất động sản”, “bong bóng chứng khoán” xẹp xuống thì vốn bị bốc hơi đi, hệ quả là nợ xấu gia tăng.

Hiện còn có nhiều số liệu khác nhau về nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại. Hãng định mức tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings cho rằng tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam là gấp 4 lần 3,3% dư nợ, tức là 12% -13% tổng dư nợ tín dụng trong nền kinh tế. Thanh tra Ngân hàng nhà nước thông báo đến 31-3-2012, nợ xấu của hệ thống là 202.000 tỷ đồng (bằng 8,6% dư nợ), trong đó: 153.000 tỷ đồng thuộc về tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. Ủy ban giám sát tài chính quốc gia tính toán là 11,8%, tương đương 270 ngàn tỷ đồng. Vậy, nợ xấu của các ngân hàng là bao nhiêu vẫn còn là ẩn số, nhưng đa số các chuyên gia kinh tế đều có chung nhận định là con số này là không nhỏ.

Nợ xấu cao tạo thêm áp lực cho khó khăn thanh khoản, sức khỏe của hệ thống ngân hàng yếu đi, có tác động trực tiếp đến sức khỏe của nền kinh tế, các

doanh nghiệp và cá nhân trong các ngành sản xuất: công nghiệp, xây dựng, xuất khẩu ... càng khó khăn khi không thể chống chọi với thực tại thiếu vốn, lãi suất cao.

Hai là, chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao.

Quý III năm 2012 có những “tín hiệu” lạc quan cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, một trong những “điểm đen” lớn vẫn xuất hiện trên bức tranh kinh tế là chỉ số tồn kho vẫn đang ở mức cao. Chỉ số tồn kho của ngành công nghiệp chế biến tại thời điểm 1/10/2012 tăng 20,3% so với cùng thời điểm năm trước, tuy có xu hướng giảm nhưng vẫn ở mức cao.

Một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao là: sản xuất sản phẩm từ Platic, tăng 56,5%; sản phẩm xi măng tăng 53,1%; sản xuất thép, gang, sắt tăng 38,8%; sản xuất thuốc là tăng 33,4%... Một số ngành có chỉ số tồn kho thấp hoặc sản xuất ô tô, xe máy tăng 8,1%; sản xuất thiết bị truyền thông giảm 67,5%; sản xuất đường giảm 54,2%⁹.

Nguyên nhân tồn kho tăng cao là: (i) Sức mua suy giảm đã tác động tiêu cực đến hệ thống sản xuất và phân phối sản phẩm; (ii) Thị trường hàng hóa đang bị tắc nghẽn, hàng sản xuất ra không bán được; (iii) Bên cạnh đó chi phí đầu vào tăng cao nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng không nhiều, điều này đồng nghĩa với phần lớn chi phí tăng lên mà không thể chuyển nhiều vào giá bán; (iv) Hơn nữa, năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất và phân phối hàng hóa phụ thuộc rất nhiều vào vốn, trong khi lãi suất cho vay của Ngân hàng vẫn cao, quá sức chịu đựng của doanh nghiệp.

Về nguyên tắc, tồn kho luôn tăng theo quy mô sản xuất mở rộng để đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa sản xuất và tồn kho, đồng thời là ổn định cung cầu giai đoạn sau đó, tức là mang tính “gối đầu”. Với một nền kinh tế bình thường, chỉ số tồn kho tăng từ 12%-15% so với cùng kỳ là hợp lý. Nhưng tại thời điểm 9 tháng đầu năm 2012 chỉ số tồn kho tăng 20,8% là điều bất thường đối với nền kinh tế.

Ba là, doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giải thể và phá sản ngày càng nhiều kéo theo gia tăng tình trạng thất nghiệp

Hậu quả đáng nói là khi “con đĩa nợ xấu” còn đeo bám nền kinh tế và chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến còn cao thì hiệu ứng DOMINO diễn ra đối với hệ thống các doanh nghiệp Việt Nam là các doanh nghiệp phá sản, giải thể và ngừng hoạt

động ngày càng gia tăng. Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết tháng 4 năm 2012, đã có 17.735 doanh nghiệp phá sản và giải thể, và có thể tiếp tục có thêm nhiều doanh nghiệp ngưng hoạt động hoặc giải thể. Thông tin từ Văn phòng Chính phủ, đến tháng 10/2012 có 41.000 doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động.

Kinh tế suy giảm, số doanh nghiệp ngưng hoạt động hoặc giải thể và phá sản gia tăng, trong đó có cả doanh nghiệp lớn, những doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực xây dựng, bất động sản, chế biến, gia công... khiến tình trạng mất việc làm, thất nghiệp gia tăng. Theo Tổng cục thống kê, 6 tháng đầu năm 2012, tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,29% (khoảng 1,2 triệu người). Theo Ông Lê Quang Trung, Phó cục trưởng Cục việc làm (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), trong 6 tháng đầu năm cả nước có 203.183 người được hưởng trợ cấp thất nghiệp (tăng 64.880 người so với cùng kỳ năm 2011). Riêng quý I năm 2012, số người đăng ký thất nghiệp là 116.620 người, tăng 70% so với cùng kỳ năm ngoái¹. Báo cáo của Chính phủ, ngày 22/10/2012, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIII, đến tháng 9 năm 2012 đã thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho 280.000 lao động.

Thất nghiệp kéo theo những hệ lụy khác về đời sống xã hội.

* Cần phải nói thêm rằng, năm Nhâm Thìn, nhiều “doanh nhân Việt” ngã ngựa: Thua lỗ mất trắng doanh nghiệp, đi làm thuê hoặc rơi vào vòng lao lý, tù tội. Nguyên nhân là: Lòng tham, sự nóng vội kỳ vọng vào sự phát triển đột phá của doanh nghiệp, nhiều người ước mơ trở thành tỷ tỷ phú, quản trị doanh nghiệp yếu kém, lợi dụng kẽ hở của pháp luật để làm giàu bất chính.

3. Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2013

3.1. Bối cảnh kinh tế thế giới và tình hình trong nước

Năm 2013, dự báo kinh tế thế giới tiếp tục khó khăn, diễn biến phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Thương mại toàn cầu phục hồi chậm. Tăng trưởng kinh tế không cao hơn nhiều so với năm 2012. UNCTAD dự báo kinh tế thế giới năm 2013 chỉ tăng 1,5% (thấp hơn mức 2,3% năm 2012). Nhiều nhà kinh tế trên thế giới, dự báo “con bão kinh tế thế giới” xảy ra vào năm 2013. Giáo sư Nouriel Roubini- người dự báo chính xác cuộc khủng hoảng tài chính ở Mỹ cảnh báo kinh tế thế giới đang đứng trước những nguy cơ mới do tồn tại đồng thời 4 yếu

tổ tiêu cực là quá trình tái cấu trúc nợ tại châu Âu, tình trạng đình đốn ở Nhật Bản. Tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc và những khó khăn tài chính của Mỹ. Các nhà kinh tế Nga, như ông Georgi Eltsov, ông Piotr Kliuev đều có chung với những nhận định của Giáo sư Roubini.

Tóm lại, kinh tế thế giới năm 2013 chưa thoát khỏi tình trạng “ảm đạm và suy thoái”.

Ở trong nước, năm 2013 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm 2011-2015, bên cạnh những kết quả đạt được, những “điểm sáng” của nền kinh tế năm 2012, thì nền kinh tế vẫn còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, có tới 5/15 chỉ tiêu kế hoạch không đạt được, đất nước ta phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức khác, trong khi nước ta phải dành nhiều nguồn lực để đảm bảo ninh quốc phòng, an sinh xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.2. Những dự báo về kinh tế Việt Nam năm 2013

. Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đã công bố Báo cáo cập nhật triển vọng phát triển châu Á năm 2012, trong đó có Việt Nam. ADB dự báo GDP của Việt Nam năm 2012 giảm xuống còn 5,1%, trước khi tăng lên 5,7% vào năm 2013. ADB cho rằng tốc độ tăng GDP của Việt Nam có thể bị chi phối bởi tiến độ giải quyết các vấn đề tồn đọng trong lĩnh vực tài chính. ADB đã dự báo lạm phát cả nước của Việt Nam là 7%, năm 2012, trước khi tăng lên 9,4% vào cuối năm 2013. IMF dự báo GDP của Việt Nam năm 2013 tăng 5,6%.

. Các chuyên gia tài chính của Việt Nam tỏ ra bi quan khi nhận định về động thái kinh tế vào cuối năm 2012, thậm chí nhiều quan điểm cho rằng tình hình có thể xấu đến hết năm 2013. Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng GDP của Việt Nam dựa trên đầu tư công, FDI và tín dụng, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu không thuận lợi và nguồn lực hạn hẹp của Việt Nam như hiện nay thì kinh tế Việt Nam không thể mong đợi “sự khởi sắc”.

. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIII, ngày 22-10-2012 đã nêu ra các chỉ tiêu kinh tế của năm 2013 là: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 5,5%. Kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%. Tỷ lệ nhập siêu khoảng 8%. Bội chi ngân sách nhà nước không quá 4,8% GDP. Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 8%. Tổng đầu tư phát triển toàn xã hội bằng khoảng 30% GDP. Nhìn chung các chỉ tiêu về tốc độ tăng GDP và CPI mà Chính phủ nêu ra là gần sát với dự báo của ADB,

của IMF.

3.3. Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2013 và các năm tiếp theo có thể trở thành hiện thực bằng các giải pháp tháo gỡ nút thắt những khó khăn mà nền kinh tế đang gặp phải là:

(1) Tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát mà trọng tâm là:

. Kiểm chế lạm phát ở mức thấp hơn năm 2012; Tiếp tục hạ lãi suất tín dụng phù hợp với mức giảm lạm phát.

. Hoàn thiện cơ chế quản lý thị trường vàng; cải thiện cán cân thanh toán quốc tế và tăng dự trữ ngoại hối.

. Quản lý chặt chẽ nợ công và nợ quốc gia trong giới hạn an toàn, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

. Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ các mặt hàng nhập không khuyến khích. Đảm bảo cân đối các cung cầu các mặt hàng thiết yếu. Sử dụng hiệu quả, minh bạch vốn đầu tư công; tăng cường các biện pháp thu hút và giải ngân các nguồn vốn ODA, FDI, kiểm soát có hiệu quả đầu tư gián tiếp của nước ngoài (FII).

(2) Tháo gỡ những khó khăn thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, như:

- Hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn tín dụng với lãi suất hợp lý. Ưu tiên tín dụng cho sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng

dụng công nghệ cao.

- Bằng các biện pháp đồng bộ đẩy mạnh việc xử lý “cục máu đông” nợ xấu trong hệ thống ngân hàng thương mại, xử lý nợ giữa ngân sách với các doanh nghiệp, nợ chéo giữa các doanh nghiệp; khôi phục thị trường bất động sản; thực hiện các giải pháp phù hợp để “tháo” tồn kho.

- Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp có giá trị gia tăng cao. Tăng vốn nhà nước và thu hút nguồn vốn xã hội cho đầu tư phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

(3) Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá Chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cải thiện năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh; Thực hiện đồng bộ các giải pháp để huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là nguồn lực từ đất đai.

- Tái cơ cấu nền kinh tế với “3 mặt trận chính” đòi hỏi quyết tâm chính trị cao.

Hy vọng với các giải pháp nêu trên nền kinh tế Việt Nam năm 2013 sẽ có những khởi sắc mới, lấy lại được đà tăng trưởng như thập niên vừa qua và phát triển bền vững trong các năm tiếp theo. □

Chú thích:

1 Tạp chí Cộng sản điện tử, ngày 7-8-2012.

2 Tổng cục Thống kê: Báo cáo tình hình kinh tế-xã hội 10 tháng năm 2012 và Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế- xã hội năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013, ngày 22-10-2012.

3 Xem: Tổng cục Thống kê: Tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng và 10 tháng năm 2012.

4 Đầu tư điện tử, ngày 4/10/2012

5 Đầu tư điện tử, 4-10-2012.

6 Tổng cục Thống kê: báo cáo tình hình phát triển kinh tế- xã hội, các năm 2007, 2008, 2009, 2010.

7 Dân trí, ngày 4-10-2012.

8 Tổng cục thống kê: báo cáo tình hình phát triển kinh tế- xã hội 9 tháng và 10 tháng năm 2012.

9 Tổng cục Thống kê: Tình hình kinh tế - xã hội 10 tháng năm 2011.

10. Báo cáo của Chính phủ, ngày 22-10-2012, thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho trên 280.000 lao động.

Tài liệu tham khảo:

1. Chinhphu.vn: Tình hình kinh tế-xã hội 9 tháng và 10 tháng năm 2012.

2. Báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIII, ngày 22-10-2012, về tình hình kinh tế - xã hội năm 2012 và nhiệm vụ năm 2013.

3. Hội thảo Quốc gia “Kinh tế Việt Nam năm 2012: Tạo bước ngoặt để xoay chuyển tình thế”, do Viện khoa học xã hội Việt Nam tổ chức ngày 14-9-2012, tại Hà Nội.